

Số: 129 /TB-ĐHCNKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản mặt bằng cho thuê làm dịch vụ của trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. HCM

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2869/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ theo Quyết định số 1439/QĐ-BGDĐT về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM được ký ngày 20 tháng 5 năm 2024;




Căn cứ theo Quyết định số 2948/QĐ-ĐHSPKT về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh được ký ngày 11 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ theo Quyết định số 4482/QĐ-ĐHSPKT về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 24 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/01/2026 về việc phê duyệt giá sàn các hạng mục mặt bằng cho thuê làm dịch vụ của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. HCM được Ban Giám hiệu phê duyệt.

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản mặt bằng cho thuê làm dịch vụ của trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. HCM cụ thể như sau:

1. Đơn vị có tài sản: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Số 01-03 Võ Văn Ngân, P. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Cơ sở 2: Số 484 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về tài sản đấu giá:

- Tài sản cho thuê: Các vị trí cho thuê theo Đề án sử dụng tài sản công tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM (nay là Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. HCM) vào mục đích cho thuê.

- Tổng giá trị khởi điểm các vị trí tài sản đấu giá: 8.306.940.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ ba trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*)

- Thời gian cho thuê là 30 tháng (đối với hạng mục 01), 36 tháng (đối với hạng mục 02, 03 và 05) và 54 tháng đối với hạng mục còn lại. Nhà Trường thu kinh phí 10 tháng trên 01 năm đối với các đơn vị dịch vụ trong trường (do ảnh hưởng kinh doanh khi sinh viên nghỉ Tết và nghỉ Hè) và thu kinh phí 12 tháng trên 01 năm đối với dịch vụ đặc thù hoặc có vị trí mặt bằng là mặt tiền đường Võ Văn Ngân, mặt tiền đường Lê Văn Chí và mặt tiền đường Lê Văn Việt.

- Các đơn vị dịch vụ trúng đấu giá tự đầu tư cơ sở vật chất để kinh doanh và đảm bảo các điều kiện khác theo yêu cầu của Nhà trường.

3. Lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Tiêu chí: Mọi tổ chức đấu giá phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác do Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. HCM quy định. **Cụ thể tại bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản đính kèm theo thông báo này.**

- Thời gian: thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá kể từ ngày thông báo đến 16 giờ 30 ngày 19/01/2026.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. HCM, phòng Quản trị Cơ sở Vật chất - tầng 07 Toà nhà trung tâm (*Địa chỉ: Số 01 Võ Văn Ngân, P. Thủ Đức, Tp. HCM*).

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân
(Lưu ý: Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với tổ chức đầu giá không được lựa chọn).

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin ĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Đăng Website P.QTCSVC;
- Lưu: VT, QTCSVC, Huỳnh (03b).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang



Handwritten signature

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
NĂM 2026**

*(Kèm theo Thông báo số 129 /TB-ĐHCNKT ngày 4 tháng 01 năm 2026 của
Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Tp.HCM)*

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0

Văn

III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0

lưu

2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của $C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0

Thu

5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ	5,0

Ưu

	thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)	1,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
3.	Tiêu chí khác: Trong năm 2023, 2024 và 2025 đấu giá thành tài sản là quyền khai thác mặt bằng của ít nhất 10 đơn vị sự nghiệp công lập khác nhau trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề tại TPHCM bằng hình thức bỏ phiếu với giá trúng đấu giá cao hơn giá khởi điểm trên 200% và có đăng thông báo đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia (nhiều quyền khai thác mặt bằng đấu giá riêng lẻ của cùng 01 đơn vị sự nghiệp công lập thì được xét là 01 đơn vị)	3,0
Tổng số điểm		100

Lưu ý:

- Trong trường hợp có từ 02 đơn vị đấu giá trở lên bằng điểm nhau thì sẽ lựa chọn đơn vị có mức thù lao và chi phí thấp nhất.

- Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

